

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 305/2017/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2017, giữa:

+ *Nguyên đơn*: Bà **Trịnh Thị Minh P** - sinh năm 1980;

+ *Bị đơn*: Ông **Nguyễn Đức Q** - sinh năm 1978;

Cùng trú tại: K27/11A N L B, phường HKB, quận LC, TP Đà Nẵng.

+ Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông **Nguyễn Đức T** - sinh năm: 1951 và bà **Phạm Thị H** - sinh năm: 1954; Trú tại: Số 98 P P T, tổ 45 Đa Phước, phường H K B, quận L C, TP Đà Nẵng.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81 và 82 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 9 năm 2017.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 9 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà **Trịnh Thị Minh P** - sinh năm: 1980 và ông **Nguyễn Đức Q** - sinh năm: 1978. Cùng trú tại: K27/11A N L B, phường HKB, quận LC, TP Đà Nẵng.

2. Công nhận tự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

+ Về quan hệ con chung: Bà **Trịnh Thị Minh P** và ông **Nguyễn Đức Q** thống nhất thuận tình ly hôn.

+ Về quan hệ con chung: Bà **Trịnh Thị Minh P** và ông **Nguyễn Đức Q** xác định có xác định 02 con chung và thống nhất thỏa thuận về việc nuôi con chung như sau: Bà **Trịnh Thị Minh P** trực tiếp nuôi dưỡng con chung: **Nguyễn Thị Phương Thảo** - sinh ngày 28.4.2006, ông **Nguyễn Đức Q** trực tiếp nuôi dưỡng con chung: **Nguyễn Đức Hiếu** - sinh ngày 26.01.2004. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Các đương sự có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

+ Về tài sản chung: Bà Trịnh Thị Minh P không có tranh chấp tài sản chung đối với 01 xe ô tô biển hiệu KIA biển kiểm soát 43C-14941 hiện do ông Nguyễn Đức T đứng tên giấy chứng nhận quyền sở hữu.

Nên bà Trịnh Thị Minh P, ông Nguyễn Đức Q và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đức T và bà Phạm Thị H không yêu cầu giải quyết.

4 Về nợ chung: Bà Trịnh Thị Minh P và ông Nguyễn Đức Q xác nhận không có.

5. Về án phí:

+ Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 150.000đồng (*một trăm năm mươi nghìn đồng*), bà Trịnh Thị Minh P tự nguyện chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng (*ba trăm nghìn đồng*) do bà P đã nộp theo biên lai số 0007221 ngày 04.8.2017 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng. Như vậy bà P được hoàn trả lại số tiền 150.000đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*), (bà P đã nộp đủ tiền án phí).

+ Án phí dân sự sơ thẩm: Do bà Trịnh Thị Minh P rút yêu cầu chia tài sản chung không yêu cầu giải quyết nên được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí 4.000.000đồng (*bốn triệu đồng*) tại biên lai số 0007222 ngày 04.8.2017 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhân:

- Các đương sự;
- VKSND quận Liên Chiểu;
- Chi cục THADS quận Liên Chiểu;
- UBND phường Hòa Khánh Nam, quận Liên Chiểu;
- Sở Tư pháp Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án;

THẨM PHÁN

Trần Hoài Sơn